

PHỤ LỤC SỐ 7
GIÁ ĐẤT NĂM 2015 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THÔNG NÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
1	Khu vực II				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	65	46	26
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	59	41	24
	Đất trồng lúa nương	LUN	41	29	17
2	Khu vực III				
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	48	34	19
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	44	31	18
	Đất trồng lúa nương	LUN	31	22	12

BẢNG 2. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
1	Khu vực II				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	54	38	22
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	38	27	15
2	Khu vực III				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	40	28	16
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	28	20	11

BẢNG 3. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
1	Khu vực II	CLN	52	36	21
2	Khu vực III	CLN	38	27	15

BẢNG 4. BẢNG GIÁ ĐẤT LÂM NGHIỆP*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
1	Khu vực II				
	Đất rừng sản xuất	RSX	10.4	7.3	4.2
	Đất rừng phòng hộ	RPH			
	Đất rừng đặc dụng	RDD			
2	Khu vực III				
	Đất rừng sản xuất	RSX	8.8	6.2	3.5
	Đất rừng phòng hộ	RPH			
	Đất rừng đặc dụng	RDD			

BẢNG 5. BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
1	Khu vực II	NTS	37	26	15
2	Khu vực III	NTS	32	22	13

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**BẢNG 6. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN***Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Khu vực III				
1	Xã Cần Yên				
	Đoạn đường từ đầu cầu Bản Ngắm theo đường 204 đến công Đồn biên phòng Cần Yên	210	147	105	63
	Đất khu dân cư xung quanh chợ.				
	Đoạn đường từ cầu Dẻ Coóc theo đường 204 đến đầu cầu Bản Ngắm	179	125	89	54
	Đoạn đường từ Chợ theo đường 204 đến đầu cầu Tả Chia				
	Đoạn đường rẽ từ đường 204 chân đến dốc đường đi Hồng Minh Thượng				
	Đoạn đường từ ngã ba Đồn biên phòng theo đường 204 đến nhà văn hoá xóm Nà Vải				

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ nhà văn hoá xóm Nà Vài đến mốc 626				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	152	106	76	46
2	Xã Đa Thông				
	Đoạn đường từ cầu treo Nà Rào đến nhà ông Dương Văn Sứ	210	147	105	63
	Đoạn đường từ ngã ba đường 204 theo đường giao thông nông thôn Đà Sa - Đà Khau - Bắc Đại đến hết nhà ông Lộc Văn Dụng (xóm Bắc Đại)	118	83	59	36
	Đoạn chân dốc Kéo Bó Đin - Nà Pài theo đường 204 đến chân dốc Kéo Hái.				
	Đoạn đường từ địa giới xã Đa Thông (tiếp giáp thị trấn Thông Nông) theo đường 204 đến đầu cầu treo Nà Rào	98	69	49	30
	Đoạn đường chân dốc Kéo Bó Đin - Nà Pài đến chân dốc Kéo Hái				
	Đoạn đường từ đỉnh đèo Mã Quỳnh đến giáp ranh địa giới huyện Hoà An.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	83	59	42	25
3	Xã Lương Thông				
	Đoạn đường từ nhà ông Trương Văn Lễ theo đường 204 đến hết địa phận xã Lương Thông	210	147	105	63
	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ xuống cầu treo đi xóm Đông Chia theo đường 204 đến cổng Trường Tiểu học, Trung học Cơ sở xã Lương Thông;				
	Đất xung quanh chợ Lương Thông				
	Đoạn đường từ thửa đất tiếp giáp nhà ông Lành Văn An (xóm Bản Gié) theo đường 204 đến hết địa phận xã Lương Thông (giáp xã Càn Yên);	118	83	59	36
	Đoạn đường từ đỉnh kéo hái giáp xã Đa Thông theo đường 204 đến nhà ông Trương Văn Lễ xóm Bản Rịch				
	Đoạn đường rẽ từ ngã ba nhà ông Lộc Văn Khánh theo đường đi Nội Phạn đến hết đường ô tô đi lại được				
	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ xuống cầu treo đi xóm Đông Chia theo đường 204 đến hết địa giới xã Lương Thông (giáp xã Đa Thông);				

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường rẽ từ trường THCS xã Lương Thông từ nhà ông Lê Văn Kiáng (Nhà Vàng) đến hết địa phận xã Lương Thông				
	Đoạn đường giao thông nông thôn điểm đầu tiếp giáp với đường 204 ngã ba Kéo Hải đi xóm Lũng Rịch, Lũng Đầy đến xóm Tả Bộc và hết đường ô tô đi lại được.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	83	59	42	25
4	Xã Lương Can				
	Các vị trí đất mặt tiền đoạn đường từ đường rẽ vào xóm Nà Sai theo đường Lương Can - Trương Lương đến Pác Kéo xóm Dẻ Vai.	135	95	68	41
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	115	80	57	34
5	Xã Vị Quang				
	Đoạn đường từ ngã ba đường liên huyện đến đến trạm Y tế xã				
	Đoạn đường từ đầu cầu xóm Pác Khuổi theo đường liên huyện đi xã Cần Yên đến hết địa phận xã Vị Quang	135	95	68	41
	Đoạn đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến trạm y tế xã;				
	Các vị trí mặt tiền đoạn từ đầu cầu xóm Pác Khuổi theo đường liên huyện đi xã Cần Yên đến hết địa phận xã Vị Quang (giáp xã Cần Yên).	115	80	57	34
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	83	59	42	25
6	Xã Ngọc Động				
	Đoạn đường từ chân dốc Lũng Pảng theo đường đi xã đến hết địa phận xóm Nặm Ngùa				
	Đoạn đường từ nhà bà Lăng Thị Hà theo đường đi xã Thanh Long đến đường rẽ vào Trường Tiểu học Lũng Nhùng	210	147	105	63
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	118	83	59	36
7	Xã Yên Sơn				
	Đoạn từ ngã ba Cốc Rây đến đường rẽ vào trường mầm non xóm Choọc Mòn	210	147	105	63
	Đoạn đường từ trường Mầm Non xóm Chọc Mòn đi xóm Cốc Lùng đến hết đường ô tô đi lại được	118	83	59	36

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Từ đường rẽ Trụ sở cũ xã Yên Sơn đi xóm Nậm Cốp đến hết đường ô tô đi lại được.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	83	59	42	25
8	Xã Thanh Long				
	Các vị trí đất mặt tiền khu dân cư xung quanh chợ	210	147	105	63
	Đoạn đường từ chân dốc Bản Đâu đến Kéo Chả	118	83	59	36
	Đoạn đường từ ngã ba Gòi Phát theo đường đi xã Triệu Nguyên đến hết địa phận xã Thanh Long (giáp xã Triệu Nguyên huyện Nguyên Bình).				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	83	59	42	25
9	Xã Bình Lãng				
	Đoạn đường từ ngã ba Pác Nùng đến chân dốc Mạ Nền (giáp xã Thái Học, huyện Nguyên Bình)	179	125	89	54
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	118	83	59	36
10	Xã Cản Nông				
	Đoạn đường từ chân núi Bản Gải theo đường giao thông nông thôn đến cổng Trường Trung học Cơ sở Bó Thầu;	210	147	105	63
	Đoạn đường từ Keng Chập đến hết trụ sở Ủy ban nhân dân xã.				
	Đất còn lại xung quanh Trường Trung học Cơ sở Bó Thầu.	118	83	59	36
	Đoạn đường rẽ từ ngã ba xóm Nậm Dừa - Nà Cuồn theo đường giao thông nông thôn đến UBND xã Cản Nông				
	Đoạn đường từ đỉnh Keng chập đến chân dốc Keng chập				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên.	83	59	42	25

BẢNG 7. BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

Giá đất thương mại dịch vụ tại nông thôn được tính bằng 80% so với đất ở tại nông thôn cùng vị trí.

BẢNG 8. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại nông thôn được tính bằng 60% so với đất ở tại nông thôn cùng vị trí.

BẢNG 9. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thị trấn Thông Nông				
1	Đường phố loại II				
	Đoạn đường tránh sau chợ điểm đầu nối với đường 204 tại Km50 (Cao Bằng - Cần Yên) điểm cuối tại Km0+200 (nối đường Thông Nông - Lương Can).	877	614	438	263
	Đoạn từ ngã ba Viện Kiểm Sát theo đường đi xã Ngọc Động đến cầu Lũng Vịt.				
	Đoạn đường từ ngã ba gốc cây đa đến mương thủy lợi (trụ sở Hạt Kiểm lâm).				
	Đoạn đường từ ngã ba gốc cây đa đến cổng trụ sở Công an huyện.				
	Đoạn đường từ ngã ba gốc cây đa theo hướng đi xã Lương Can đến hết đất nhà ở của ông Hoàng Văn Vương (xóm Đoàn Kết).				
	Đất khu dân cư mặt tiền xung quanh chợ.				
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên	745	522	373	224
2	Đường phố loại III				
	Đoạn đường từ mương thủy lợi (trụ sở Hạt kiểm lâm) đến đất ở nhà ông Hoàng Văn Sùng xóm Nà Cây.	633	443	317	190
	Đoạn từ cổng trụ sở Công an huyện theo đường 204 đến Nhà bia tưởng niệm.				
	Đoạn từ ngã ba đi xã Thanh Long đến cầu Keng Thốc.				
	Đường vào Trường tiểu học Thị trấn điểm đầu nối với đường đi Lương Can, điểm cuối nối với nhánh 5 của Quy hoạch thị trấn (hết tường rào của Trường tiểu học thị trấn),				
	Đoạn từ ngã ba đường 204 theo đường vào trụ sở Huyện ủy lên đến cổng Huyện ủy.				
	Đoạn đường từ nhà bà Triệu Thị Khoa theo đường đi Lương Can đến thửa đất hộ ông Nông Văn Nhất (xóm Liên Cơ)				
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên	538	377	269	162

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
3	Đường phố loại IV				
	Đoạn đường từ ngã ba đường theo đường đi xóm Lũng Quang đến chân dốc Lũng Quang	458	320	229	137
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên	389	272	195	117
4	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ tiếp giáp thửa đất nhà ở ông Hoàng Văn Nhất (xóm Liên Cơ) theo đường đi xã Lương Can đến hết địa giới thị trấn (giáp xã Lương Can).	331	231	165	99
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên	281	197	141	84

BẢNG 10: BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là đất thương mại dịch vụ được tính bằng 80% giá đất ở tại vị trí đó.

BẢNG 11: BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ được tính bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó.